

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 25 /2026/NQ-HĐND

Hà Nội, ngày 02 tháng 6 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

Về một số chính sách ưu đãi, hỗ trợ phát triển hạ tầng, tổ chức có hoạt động trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn thành phố Hà Nội
(thực hiện điểm a khoản 2 Điều 18 Luật Thủ đô số 02/2026/QH16)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thủ đô số 02/2026/QH16;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15;

Căn cứ Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 115/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 05/2026/NQ-HĐND ngày 11/5/2026 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định một số nội dung về xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật để tổ chức thi hành Luật Thủ đô;

Xét Tờ trình số 191/TTr-UBND ngày 29 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội; Báo cáo thẩm tra số 38/BC-BKHCNMT ngày 31 tháng 5 năm 2026 của Ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường của Hội đồng nhân dân Thành phố; Các báo cáo, tờ trình tiếp thu, giải trình số 189/BC-UBND ngày 01 tháng 6 năm 2026, số 199/BC-UBND ngày 02 tháng 6 năm 2026, số 209/TTr-UBND ngày 02 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội ban hành Nghị quyết về một số chính sách ưu đãi, hỗ trợ phát triển hạ tầng, tổ chức có hoạt động trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định một số chính sách ưu đãi, hỗ trợ phát triển hạ tầng, tổ chức có hoạt động trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn thành phố Hà Nội tại điểm a khoản 2 Điều 18 Luật Thủ đô số 02/2026/QH16 (sau đây gọi là Luật Thủ đô), cụ thể:

1. Chính sách ưu đãi, hỗ trợ phát triển hạ tầng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn Thành phố.

2. Chính sách ưu đãi, hỗ trợ đối với tổ chức có hoạt động trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn Thành phố.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thành phố Hà Nội có chức năng, nhiệm vụ liên quan đến hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

2. Các tổ chức có hoạt động trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, bao gồm:

a) Tổ chức khoa học và công nghệ; cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

b) Doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ số, các doanh nghiệp có sản phẩm khoa học và công nghệ; doanh nghiệp sử dụng quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp đóng góp vào Quỹ Phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Thành phố;

c) Tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ; tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo; trung tâm đổi mới sáng tạo;

d) Các cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung hỗ trợ đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp;

đ) Các tổ chức khác có hoạt động khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị quyết này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Hạ tầng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là cơ sở vật chất, nền tảng kỹ thuật và hạ tầng phục vụ hoạt động nghiên cứu, phát triển, thử nghiệm, chuyên giao, thương mại hóa công nghệ, hỗ trợ đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo quy định của pháp luật.

2. Lĩnh vực trọng điểm về khoa học và công nghệ của Thủ đô được quy định tại Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định một số chính sách thúc đẩy nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và chuyên giao công nghệ của thành phố Hà Nội.

Điều 4. Nguyên tắc ưu đãi, hỗ trợ

1. Ưu tiên nguồn lực của Thành phố cho các lĩnh vực trọng điểm về khoa học và công nghệ của Thủ đô, phù hợp với định hướng phát triển hạ tầng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của Thủ đô.

2. Việc xét chọn đối tượng ưu đãi, hỗ trợ được thực hiện công khai, minh bạch, có tính cạnh tranh bình đẳng thông qua Hội đồng tư vấn và áp dụng phương thức chấm điểm theo các tiêu chí định lượng.

3. Nguyên tắc đánh giá hiệu quả đầu ra và chấp nhận rủi ro:

a) Việc hỗ trợ được đánh giá và nghiệm thu dựa trên kết quả đầu ra, hiệu quả khai thác thực tế và mức độ đóng góp vào phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố;

b) Việc hỗ trợ phát triển hạ tầng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số được áp dụng cơ chế chấp nhận rủi ro. Trường hợp không đạt kết quả theo cam kết và được Hội đồng tư vấn xác nhận do nguyên nhân khách quan, nguyên nhân phát sinh từ bản chất của hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số hoặc lý do bất khả kháng theo quy định của pháp luật thì được xem xét miễn trừ trách nhiệm pháp lý và nghĩa vụ hoàn trả kinh phí.

4. Nguyên tắc đối ứng và hợp tác:

a) Thành phố ưu tiên hỗ trợ các dự án có tỷ lệ vốn đối ứng cao, có phương án chia sẻ hạ tầng dùng chung, hoặc có mô hình chia sẻ lợi ích với cộng đồng;

b) Khuyến khích và ưu tiên các mô hình liên kết, hợp tác chặt chẽ giữa Nhà nước - doanh nghiệp - trường đại học, viện nghiên cứu và các tổ chức quốc tế nhằm khai thác, sử dụng hiệu quả nguồn lực phát triển.

5. Không hỗ trợ trùng lặp từ ngân sách nhà nước cho cùng một nội dung chỉ đối với một đối tượng. Mức hỗ trợ cụ thể cho từng trường hợp sẽ do cơ quan có thẩm quyền quyết định.

6. Việc giải ngân kinh phí hỗ trợ được thực hiện theo tiến độ và kết quả thực hiện các nội dung cam kết.

7. Tài sản hình thành từ kinh phí hỗ trợ thuộc sở hữu của tổ chức được hỗ trợ.

Điều 5. Nguồn lực đầu tư

1. Thành phố ưu tiên nguồn vốn ngân sách Thành phố để đầu tư mới hoặc nâng cấp hạ tầng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; phát triển các tổ chức có hoạt động trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số được quy định tại Điều 2 Nghị quyết này.

2. Khuyến khích huy động nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước để tham gia đầu tư, xây dựng và phát triển hạ tầng khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

3. Kinh phí hoạt động, kinh phí thực hiện nội dung hỗ trợ quy định tại Nghị quyết này được cấp qua Quỹ Phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Thành phố Hà Nội.

Chương II

CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG, TỔ CHỨC KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ

Mục 1

Chính sách ưu đãi, hỗ trợ phát triển hạ tầng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn Thành phố

Điều 6. Nội dung và mức hỗ trợ phát triển hạ tầng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

1. Hỗ trợ 100% chi phí đầu tư mới hoặc nâng cấp hạ tầng khoa học, công

nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của các tổ chức có hoạt động trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số thuộc thành phố Hà Nội. Hỗ trợ 100% chi phí vận hành đối với hạ tầng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số do Thành phố đầu tư mới trong 03 năm đầu kể từ thời điểm bắt đầu vận hành, khai thác.

2. Hỗ trợ tối đa 50% chi phí đầu tư mới hoặc nâng cấp trung tâm nghiên cứu và phát triển công lập, phòng thí nghiệm, cơ sở ươm tạo thuộc các cơ sở giáo dục đại học công lập, cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập, tổ chức khoa học và công nghệ công lập, doanh nghiệp nhà nước không thuộc Thành phố. Đối với các dự án đầu tư mới, hỗ trợ tối đa 50% chi phí vận hành trong 03 năm đầu kể từ thời điểm bắt đầu vận hành, khai thác.

3. Hỗ trợ tối đa 30% chi phí đầu tư mới hoặc nâng cấp phòng thí nghiệm thuộc các cơ sở giáo dục đại học tư thục, tổ chức khoa học và công nghệ ngoài công lập, doanh nghiệp tư nhân. Đối với phòng thí nghiệm được đầu tư mới, hỗ trợ tối đa 30% chi phí vận hành trong 03 năm đầu kể từ thời điểm bắt đầu vận hành, khai thác.

4. Hỗ trợ tối đa 50% chi phí kiểm định, hiệu chuẩn trang thiết bị của trung tâm nghiên cứu và phát triển, phòng thí nghiệm; xây dựng và vận hành hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và quản lý chất lượng.

5. Miễn phí sử dụng vị trí đặt thiết bị, cáp viễn thông tại hệ thống hạ tầng kỹ thuật phục vụ đô thị thông minh của Thành phố trong thời gian 02 năm đối với tổ chức, doanh nghiệp triển khai theo hình thức xã hội hóa.

6. Hỗ trợ tối đa 50% chi phí vận hành Sàn Giao dịch công nghệ do Thành phố phê duyệt đề án thành lập trong 03 năm đầu kể từ thời điểm bắt đầu vận hành, khai thác (bao gồm cả thời gian vận hành thí điểm, thử nghiệm).

7. Ủy ban nhân dân Thành phố quy định trình tự, thủ tục để thực hiện các nội dung hỗ trợ tại Điều này.

Điều 7. Điều kiện, tiêu chí hỗ trợ

1. Điều kiện hỗ trợ:

Dự án phát triển hạ tầng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

a) Thuộc danh mục lĩnh vực trọng điểm về khoa học và công nghệ của Thủ đô hoặc danh mục công nghệ chiến lược ưu tiên do Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành;

b) Thuyết minh dự án phải nêu rõ được tính cấp thiết, tính khả thi và phương án vận hành hiệu quả;

c) Có cam kết duy trì hoạt động tối thiểu 05 năm sau khi kết thúc thời gian nhận hỗ trợ;

d) Có phương án chia sẻ, dùng chung hạ tầng, dữ liệu, trang thiết bị hoặc nền tảng công nghệ cho các tổ chức, doanh nghiệp và cơ quan nhà nước trên địa bàn Thành phố với mức chi phí ưu đãi; trong trường hợp khẩn cấp, miễn phí sử dụng theo yêu cầu huy động của Thành phố.

2. Tiêu chí hỗ trợ:

Tổ chức nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ phải đáp ứng các tiêu chí sau tại thời điểm xét duyệt:

a) Được thành lập và hoạt động hợp pháp theo quy định của pháp luật Việt Nam; có trụ sở chính hoặc chi nhánh trên địa bàn thành phố Hà Nội, phát sinh nghĩa vụ kê khai và nộp thuế tại thành phố Hà Nội;

b) Có năng lực đảm bảo việc quản lý, vận hành hạ tầng của dự án;

c) Không trong thời gian nợ thuế, nợ đóng bảo hiểm xã hội;

d) Có hồ sơ chứng minh năng lực tài chính và cam kết bố trí đủ vốn đối ứng theo đúng tỷ lệ quy định tại Điều 6 Nghị quyết này;

đ) Không trong quá trình chia tách, sáp nhập, giải thể, phá sản hoặc nằm trong danh sách tổ chức bị hạn chế nhận hỗ trợ ngân sách do vi phạm các hợp đồng khoa học và công nghệ trước đó.

3. Tiêu chí đánh giá hằng năm để cấp kinh phí hỗ trợ vận hành:

Kinh phí hỗ trợ vận hành quy định tại Điều 6 được cấp hằng năm dựa trên kết quả đánh giá theo hệ thống tiêu chí gồm:

a) Hiệu suất khai thác: Tỷ lệ khai thác công suất thực tế của trang thiết bị, phòng thí nghiệm, hạ tầng đạt tối thiểu 60% công suất thiết kế hoặc theo lộ trình tăng trưởng tại thuyết minh dự án được duyệt;

b) Mức độ tiếp cận xã hội: Số lượng cá nhân, tổ chức có hoạt động trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số được tiếp cận, sử dụng hạ tầng hằng năm;

c) Hiệu quả kinh tế: Doanh thu từ dịch vụ khoa học, công nghệ hoặc số lượng hợp đồng tư vấn được ký kết thực tế;

d) Sản phẩm đầu ra trực tiếp: Số lượng sáng chế, giải pháp hữu ích được đăng ký bảo hộ; số lượng sản phẩm công nghệ được thương mại hóa, chuyển giao; hoặc số lượng tổ chức có hoạt động trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số được ươm tạo thành công.

đ) Ủy ban nhân dân Thành phố quy định chi tiết các tiêu chí này.

Điều 8. Kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm

1. Kiểm tra, giám sát: Định kỳ hằng năm, Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức kiểm tra, giám sát và đánh giá việc thực hiện các nội dung theo hợp đồng hỗ trợ.

2. Xử lý vi phạm:

a) Trên cơ sở đánh giá của Hội đồng tư vấn, Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, dừng hỗ trợ kinh phí và yêu cầu tổ chức phải hoàn trả toàn bộ hoặc một phần kinh phí ngân sách đã cấp theo tỷ lệ khấu hao tài sản và mức độ vi phạm trong các trường hợp sau:

- 1) Tự ý thay đổi mục đích sử dụng hạ tầng so với nội dung thuyết minh dự án;
- 2) Kê khai hồ sơ không trung thực;
- 3) Sử dụng kinh phí hỗ trợ không đúng mục đích;
- 4) Không thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo theo quy định của Ủy ban nhân dân Thành phố hoặc kết quả đánh giá 02 năm liên tiếp không đạt do nguyên nhân chủ quan.

b) Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét miễn, giảm nghĩa vụ hoàn trả kinh phí hỗ trợ được thực hiện theo nguyên tắc chấp nhận rủi ro trên cơ sở đánh giá của Hội đồng tư vấn trong trường hợp kết quả đánh giá 02 năm liên tiếp không đạt do rủi ro khách quan hoặc nguyên nhân bất khả kháng.

3. Ủy ban nhân dân Thành phố quy định chi tiết trình tự, thủ tục thực hiện Điều này.

Điều 9. Hội đồng tư vấn

1. Hội đồng tư vấn được thành lập để thẩm định, đánh giá hồ sơ đề nghị hỗ trợ, tham gia kiểm tra, giám sát định kỳ, nghiệm thu kết quả thực hiện đối với nội dung hỗ trợ quy định tại Điều 6 của Nghị quyết này.

2. Tổ chức của Hội đồng tư vấn:

- a) Hội đồng tư vấn có tối thiểu 07 thành viên, trong đó có 01 Chủ tịch hội đồng, 01 Phó Chủ tịch hội đồng, ít nhất 02 Ủy viên phản biện, Ủy viên hội đồng;
- b) Thành viên Hội đồng tư vấn bao gồm các chuyên gia, nhà khoa học, doanh nhân, đại diện Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan quản lý có liên quan;
- c) Thành viên Hội đồng tư vấn không thuộc tổ chức đề nghị hỗ trợ;

3. Trách nhiệm của Hội đồng tư vấn:

- a) Thẩm định, đánh giá hồ sơ đề nghị hỗ trợ, nghiệm thu kết quả thực hiện đối với nội dung hỗ trợ quy định tại Điều 6 Nghị quyết này;
- b) Tham gia giám sát định kỳ với vai trò đánh giá độc lập; khuyến nghị tiếp tục hoặc chấm dứt hỗ trợ trong các trường hợp đặc biệt.

4. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng tư vấn:

a) Hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ, đánh giá một cách trung thực, khách quan và công bằng; chịu trách nhiệm cá nhân về kết quả đánh giá của mình và trách nhiệm tập thể về kết luận chung của Hội đồng;

b) Phiên họp của Hội đồng phải có mặt ít nhất hai phần ba (2/3) số thành viên, trong đó phải có Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch, có đủ 02 nhận xét phản biện và ít nhất một Ủy viên phản biện có mặt;

c) Các thành viên Hội đồng tiến hành đánh giá hồ sơ bằng Phiếu đánh giá. Ý kiến kết luận của Hội đồng được thông qua khi có trên ba phần tư (3/4) số thành viên có mặt nhất trí bằng hình thức biểu quyết trực tiếp hoặc bỏ phiếu kín và được thể hiện bằng biên bản họp Hội đồng.

5. Mức chi cho Hội đồng tư vấn được quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết này.

Mục 2

Chính sách ưu đãi, hỗ trợ đối với tổ chức có hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn Thành phố

Điều 10. Nội dung và mức ưu đãi, hỗ trợ đối với tổ chức có hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

1. Hưởng lãi suất cho vay tối thiểu khi vay vốn tại Quỹ Đầu tư phát triển Thành phố để thực hiện các dự án đầu tư mới hạ tầng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

2. Miễn phí gian hàng trưng bày tại các sự kiện khoa học và công nghệ do Thành phố tổ chức.

3. Doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ số, doanh nghiệp có sản phẩm khoa học và công nghệ được hỗ trợ 100% chi phí gian hàng khi tham gia triển lãm, hội chợ, sự kiện công nghệ quốc tế theo chương trình xúc tiến của Thành phố.

4. Miễn phí tham gia các chương trình đào tạo, bồi dưỡng, huấn luyện do Thành phố tổ chức về nâng cao năng lực quản trị công nghệ, chuyển đổi số, thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, tiêu chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng và kỹ năng tham gia chuỗi giá trị, chuỗi cung ứng công nghệ.

5. Hỗ trợ thực hiện thủ tục hành chính và thủ tục pháp lý công nhận hoặc cấp giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp công nghệ cao; trung tâm đổi mới sáng tạo; cơ sở ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao.

6. Hỗ trợ kết nối hệ sinh thái, bao gồm kết nối với chuyên gia, nhà khoa học, nhà đầu tư, tổ chức tài chính, quỹ đầu tư, viện nghiên cứu, trường đại học trong nước và quốc tế.

7. Ủy ban nhân dân Thành phố quy định chi tiết điều này.

Điều 11. Điều kiện hỗ trợ

Để được nhận ưu đãi, hỗ trợ tại Điều 10 của Nghị quyết này, tổ chức có hoạt động trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phải đáp ứng các điều kiện sau:

1. Được thành lập hợp pháp theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc đang thực hiện thủ tục công nhận, cấp giấy chứng nhận theo quy định của pháp luật đối với các đối tượng quy định tại khoản 5 Điều 10 của Nghị quyết này.

2. Có trụ sở chính hoặc chi nhánh trên địa bàn thành phố Hà Nội hoặc cam kết đặt trụ sở chính, chi nhánh và thực hiện nghĩa vụ kê khai, nộp thuế tại thành phố Hà Nội sau khi được công nhận, cấp giấy chứng nhận.

3. Không trong thời gian nợ thuế, nợ đóng bảo hiểm xã hội; không thuộc trường hợp vi phạm pháp luật hoặc đang trong quá trình giải thể, phá sản.

4. Có hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo hoặc chuyển đổi số phù hợp với mục tiêu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của Thành phố.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 12. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân Thành phố

1. Tổ chức thực hiện và ban hành các văn bản để triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Quyết định mức hỗ trợ cụ thể đối với từng đề xuất hỗ trợ được quy định tại Điều 6 Nghị quyết này.

3. Quyết định việc thuê tư vấn độc lập hoặc lấy ý kiến chuyên gia trong trường hợp cần thiết để bảo đảm đánh giá khách quan, chính xác và đúng quy định. Kết quả thẩm định hoặc trưng cầu ý kiến là căn cứ để xem xét, quyết định hỗ trợ, thu hồi kinh phí hỗ trợ.

4. Sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ các quy định đã ban hành theo thẩm quyền hoặc trình Hội đồng nhân dân Thành phố sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ các quy định không phù hợp với Nghị quyết này và các quy định pháp luật có liên quan.

5. Định kỳ hằng năm rà soát, đánh giá việc thực hiện Nghị quyết, báo cáo Hội đồng nhân dân Thành phố kết quả thực hiện.

Điều 13. Giám sát thi hành Nghị quyết

1. Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố, các Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố có trách nhiệm giám sát quá trình tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội phối hợp giám sát việc tổ chức triển khai thực hiện.

Điều 14. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.
2. Nghị quyết số 35/2025/NQ-HĐND ngày 29 tháng 9 năm 2025 của HĐND Thành phố quy định cơ chế, chính sách về đầu tư, hỗ trợ phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo của thành phố Hà Nội hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.
3. Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện việc quản lý, cấp phát, sử dụng, thanh toán, quyết toán và thu hồi kinh phí hỗ trợ theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước cho đến khi Quỹ Phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của thành phố Hà Nội được thành lập và được cấp kinh phí hoạt động.
4. Các dự án đang trong quá trình nhận hỗ trợ hằng năm từ Sở Khoa học và Công nghệ khi chuyển giao sang Quỹ Phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của thành phố Hà Nội sẽ được kế thừa quyền lợi và nghĩa vụ theo hợp đồng đã ký, không phải thực hiện lại thủ tục thẩm định từ đầu.
5. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị, người tham gia xây dựng và triển khai thực hiện Nghị quyết này được xem xét loại trừ, miễn trách nhiệm pháp lý trong trường hợp đã tuân thủ đầy đủ các quy trình, quy định liên quan và không vụ lợi trong quá trình thực hiện nhiệm vụ nhưng vẫn xảy ra thiệt hại.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội khóa XVII, Kỳ họp thứ Ba thông qua ngày 02 tháng 6 năm 2026. /

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban Công tác đại biểu của Quốc hội;
- Ủy ban KH, CN & MT của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội; Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Khoa học và Công nghệ, Quốc phòng, Công an, Nội vụ, Tư pháp, Tài chính;
- Cục KTVB và QLXLVPHC - Bộ Tư pháp;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ban Thường vụ Thành ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội TP Hà Nội;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQ Thành phố;
- Các Ban Đảng Thành ủy, VPTU;
- Các Ban của HĐND Thành phố;
- Các vị đại biểu HĐND Thành phố;
- Các VP: Đoàn ĐBQH & HĐND, UBND TP;
- Các sở, ban, ngành Thành phố;
- Đảng ủy các xã, phường;
- TT HĐND, UBND các xã, phường;
- Trang TTĐT của Đoàn ĐBQH & HĐND TP;
- Trung tâm TT, DL & CNS Thành phố;
- Lưu: VT.



CHỦ TỊCH

Phùng Thị Hồng Hà

Phụ lục I
MỨC CHI CHO HỘI ĐỒNG TƯ VẤN

(Kèm theo Nghị quyết số **25**/2026/NQ-HĐND ngày 02 tháng 6 năm 2026
của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội)

STT	Nội dung chi	Định mức xây dựng dự toán
1	Chi Hội đồng tư vấn	
a	Chi họp hội đồng	
	Chủ tịch hội đồng	3.000.000 đồng/người/hội đồng
	Phó Chủ tịch hội đồng, thành viên (Ủy viên) hội đồng	2.500.000 đồng/người/hội đồng
	Thư ký khoa học	1.000.000 đồng/người/hội đồng
	Thư ký hành chính	1.000.000 đồng/người/hội đồng
	Đại biểu	500.000 đồng/người/hội đồng
b	Chi nhận xét đánh giá	
	Nhận xét đánh giá của Thành viên (Ủy viên) hội đồng	1.500.000 đồng/01 phiếu nhận xét
	Nhận xét đánh giá của Chủ tịch hội đồng, Chuyên gia (Ủy viên) phản biện	2.000.000 đồng/01 phiếu nhận xét
	Mua văn phòng phẩm, in ấn, nước uống và các chi phí cần thiết khác	2.000.000 đồng/hội đồng